

**TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh  
Quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ và  
phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và các văn bản, quy định có liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ và phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, với các nội dung như sau:

**I. CĂN CỨ VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Căn cứ pháp lý**

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;

Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển.

## **2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

Hầu hết các tổ chức, doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh hiện nay có máy móc, thiết bị, công nghệ ở mức trung bình, hoặc dưới trung bình, tiêu tốn nhiều nguyên, nhiên, vật liệu, nguy cơ ô nhiễm môi trường cao, có năng suất lao động, giá trị tăng thêm, sức cạnh tranh và khả năng hội nhập thấp. Doanh nghiệp vừa và nhỏ tiềm lực tài chính còn rất hạn chế nên việc chủ động thực hiện đầu tư chuyển giao, đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất lao động và khả năng cạnh tranh là rất khó khăn; việc đầu tư chuyển giao công nghệ vào các vùng nông thôn, miền núi có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn để tạo động lực phát triển điều kiện kinh tế - xã hội cho người dân ở những vùng này cũng rất hạn chế.

Trong bối cảnh Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới và tạo nên những thay đổi rất lớn trong phát triển kinh tế toàn cầu, với trung tâm là sự phát triển của trí tuệ nhân tạo, tự động hóa. Với sự hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng, Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang mở ra nhiều cơ hội, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức cho các tổ chức, doanh nghiệp trong nước nói chung và tỉnh Quảng Ngãi nói riêng. Nếu tổ chức, doanh nghiệp không kịp thời nắm bắt, chuyển đổi để thích nghi thì sẽ dễ dàng bị tụt hậu, đào thải khỏi thị trường. Do vậy, tỉnh Quảng Ngãi cần thiết ban hành cơ chế, chính sách để tiếp tục hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp khắc phục khó khăn; đồng thời khai thác triệt để các thành tựu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư để phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững nhằm góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

Việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ và phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp và đúng thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, được quy định tại các văn bản sau đây:

Tại điểm b khoản 4 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh “*Quyết định biện pháp khuyến khích phát triển nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh*”;

Tại khoản 2 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy định

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết đề quy định: “2. Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.

Tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh “Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương”.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017 quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh “Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, đề án, chương trình, kế hoạch về chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ tại địa phương” và được Bộ Tư pháp thông báo tại Công văn số 2804/BTP-VĐCXDPL ngày 10/8/2017 về việc thông báo các nội dung giao địa phương quy định chi tiết các Luật, Nghị quyết được Quốc hội Khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 3.

Do vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ và phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi là cần thiết, phù hợp và đúng quy định.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Nghị quyết ban hành nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân về chuyển giao, đổi mới công nghệ và phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo đúng quy định hiện hành nhằm đẩy mạnh hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

### **2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

Xây dựng Nghị quyết theo quy định tại Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Kế hoạch số 271-KH/TU ngày 27/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 27/11/2020 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX; Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày

11/5/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 3 (khóa XX) về huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đẩy mạnh phát triển công nghiệp.

Đồng thời, việc xây dựng Nghị quyết bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của Nghị quyết với hệ thống pháp luật; tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm minh bạch, phù hợp với khả năng, nguồn lực, chủ trương, định hướng phát triển của tỉnh Quảng Ngãi; bảo đảm công khai trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của các cơ quan, tổ chức trong quá trình thực thi Nghị quyết.

### **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

Trên cơ sở ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 102/HĐND-KTNS ngày 27/5/2021 về việc chấp thuận xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp hoạt động đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, UBND tỉnh đã giao cho Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 2423/UBND-CNXD ngày 31/5/2021. Sở Khoa học và Công nghệ đã tiến hành xây dựng Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ và phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo đúng trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi thẩm định tại Báo cáo số 200/BC-STP ngày 16/9/2021 về kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ và phát triển thị trường công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Trên cơ sở kết quả thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ đã tiếp thu ý kiến và hoàn chỉnh Dự thảo.

### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT**

#### **1. Bố cục**

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng theo hình thức trực tiếp, bao gồm 2 phần: Phần căn cứ và phần quy định. Phần quy định của Dự thảo Nghị quyết bao gồm 9 Điều.

#### **2. Nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị quyết**

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ và phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi gồm các nội dung cơ bản sau:

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng

Ngãi.

## Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, doanh nghiệp (vừa và nhỏ), hợp tác xã có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) có tiếp nhận chuyển giao, đổi mới công nghệ và phát triển thị trường khoa học và công nghệ và các cá nhân trên địa bàn tỉnh tham gia vào hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

2. Các cơ quan, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Nghị quyết này.

3. Doanh nghiệp có các dự án đang được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị quyết này.

## Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Bảo đảm công khai, minh bạch về nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục, nguồn lực, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện.

2. Các nội dung đề nghị hỗ trợ đã được hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thì không được xem xét hỗ trợ theo Nghị quyết này.

3. Căn cứ nguồn lực hỗ trợ, cơ quan thực hiện hỗ trợ quyết định số lượng doanh nghiệp được nhận hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc: Doanh nghiệp nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện hỗ trợ trước được nhận hỗ trợ trước.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư chuyển giao công nghệ từ các tổ chức khoa học và công nghệ (viết tắt là dự án đầu tư)

### 1. Điều kiện hỗ trợ:

Doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết này đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

a) Dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư và thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư theo quy định tại Phụ lục II Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

b) Công nghệ lựa chọn để chuyển giao phải thuộc dự án quy định tại điểm a khoản này và thuộc Danh mục khuyến khích chuyển giao theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

c) Dự án đầu tư phải có hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển

giao công nghệ) và được cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ xét duyệt cho triển khai và nghiệm thu theo quy định.

d) Mỗi doanh nghiệp chỉ được hỗ trợ 01 dự án chuyển giao công nghệ theo Nghị quyết này.

## 2. Hình thức hỗ trợ:

Hỗ trợ kinh phí thông qua thực hiện dự án ứng dụng khoa học và công nghệ (nhiệm vụ khoa học và công nghệ).

## 3. Nội dung hỗ trợ:

Hỗ trợ kinh phí hợp đồng chuyển giao công nghệ gồm một hoặc các nội dung sau: Giải pháp kỹ thuật, quy trình công nghệ, bí quyết công nghệ, phương án công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu; mua máy móc, thiết bị; thuê chuyên gia đào tạo, hướng dẫn quy trình kỹ thuật, vận hành thiết bị máy móc.

## 4. Mức hỗ trợ: *(Có chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

Điều 5. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp có dự án đổi mới công nghệ

### 1. Điều kiện hỗ trợ:

Doanh nghiệp quy định khoản 1 tại Điều 2 của Nghị quyết này đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

a) Đang sản xuất, kinh doanh thuộc một trong các lĩnh vực sau: Công nghiệp năng lượng, lọc hóa dầu, hóa chất, cơ khí chế tạo, luyện kim, vật liệu; công nghệ thông tin - viễn thông; công nghiệp điện tử; công nghiệp hóa dược, sản xuất chế phẩm sinh học; công nghiệp môi trường, công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng thông minh; công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ nông nghiệp; sản xuất vật liệu mới; công nghiệp hỗ trợ liên quan đến hóa dầu, luyện kim, cơ khí, điện - điện tử; chế biến nông, lâm, thủy sản; công nghệ dệt may - da giày và công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may - da giày.

b) Có dự án đổi mới công nghệ được Sở Khoa học và Công nghệ xét duyệt và nghiệm thu theo quy định.

c) Công nghệ, thiết bị hỗ trợ có tính mới và tiên tiến hơn hoặc bằng công nghệ cùng loại hiện có tại Việt Nam, đã ứng dụng trong thực tiễn và đạt một hoặc nhiều tiêu chí gồm: Nâng cao năng suất sản phẩm, nâng cao năng suất lao động ít nhất 1,2 lần, nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nguyên vật liệu hoặc thân thiện với môi trường hơn so với công nghệ, thiết bị đã áp dụng tại doanh nghiệp.

d) Thiết bị đầu tư phải mới 100% và được sản xuất không quá 5 năm kể từ ngày mua thiết bị.

đ) Doanh nghiệp được hỗ trợ phải đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định hiện hành của Nhà nước (thuế, chính sách đối với người lao động,

bảo vệ môi trường) tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ, không vi phạm pháp luật và đang hoạt động đúng ngành nghề đã đăng ký sản xuất, kinh doanh, (theo cam kết của doanh nghiệp); chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực đối với các tài liệu liên quan cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước, cũng như các nội dung đã cam kết bằng văn bản trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

e) Mỗi doanh nghiệp chỉ được hỗ trợ 01 dự án đổi mới công nghệ theo Nghị quyết này.

## 2. Hình thức hỗ trợ:

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này.

## 3. Nội dung hỗ trợ:

Hỗ trợ kinh phí hợp đồng đổi mới công nghệ gồm một hoặc các nội dung được nêu tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết này.

## 4. Mức hỗ trợ: *(Có chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

Điều 6. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và cá nhân phát triển thị trường khoa học và công nghệ

### 1. Điều kiện hỗ trợ:

a) Doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết này đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

Có văn bản xác nhận tham gia hội chợ, triển lãm của đơn vị tổ chức hội chợ, triển lãm được cấp có thẩm quyền cấp phép. Doanh nghiệp nhận hỗ trợ phải đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định hiện hành của Nhà nước (thuế, chính sách đối với người lao động, bảo vệ môi trường) tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ, không vi phạm pháp luật và đang hoạt động đúng ngành nghề đã đăng ký sản xuất, kinh doanh, (theo cam kết của doanh nghiệp); chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực đối với các tài liệu liên quan cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước, cũng như các nội dung đã cam kết bằng văn bản trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

b) Cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết này có văn bản xác nhận tham gia hội chợ, triển lãm của đơn vị tổ chức hội chợ, triển lãm được cấp có thẩm quyền cấp phép và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực đối với các tài liệu liên quan cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước, cũng như các nội dung đã cam kết bằng văn bản trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

### 2. Nội dung và mức hỗ trợ: *(Có chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

## Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện được cân đối, bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh.

## Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Khi văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.
4. Tùy theo tình hình thực tiễn, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết cho phù hợp.

## Điều 9. Hiệu lực thi hành

*(Tài liệu gửi kèm theo: Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; Báo cáo thẩm định số 200/BC-STP ngày 16/9/2021 của Sở Tư pháp; Báo cáo tổng hợp tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; Báo cáo tổng hợp tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; Bản chụp ý kiến góp ý)*

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII kỳ họp thứ Tư xem xét, thông qua./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh (30 bộ);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban: Pháp chế, Văn hóa - Xã hội, Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính, KH&CN;
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP (VX), TH, CBTH;
- Lưu VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đặng Văn Minh**





**PHỤ LỤC**

(Kèm theo ~~Đề~~ trình số ~~133~~/TTr-UBND ngày ~~27~~.9/2021 của UBND tỉnh)

**Mức hỗ trợ chuyên giao, đổi mới công nghệ và phát triển thị trường khoa học và công nghệ**

TT	Tên chính sách	Mức hỗ trợ
1	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư chuyên giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ (viết tắt là dự án đầu tư)	Hỗ trợ 30% tổng giá trị các hợp đồng, nhưng không quá 1.000 triệu đồng/các hợp đồng của dự án chuyên giao công nghệ đối với các dự án thuộc danh mục ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư và triển khai trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
		Hỗ trợ 30% tổng giá trị các hợp đồng, nhưng không quá 900 triệu đồng/các hợp đồng của dự án chuyên giao công nghệ đối với các dự án thuộc danh mục ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư và triển khai trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.
		Hỗ trợ 25% tổng giá trị các hợp đồng, nhưng không quá 800 triệu đồng/các hợp đồng của dự án chuyên giao công nghệ đối với các dự án thuộc danh mục ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư và triển khai trên địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
		Hỗ trợ 20% tổng giá trị các hợp đồng, nhưng không quá 700 triệu đồng/các hợp đồng của dự án chuyên giao công nghệ đối với các dự án thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư và triển khai trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
		Hỗ trợ 20% tổng giá trị các hợp đồng, nhưng không quá 600 triệu đồng/các hợp đồng của dự án chuyên giao công nghệ đối với các dự án thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư và triển khai trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.
		Hỗ trợ 20% tổng giá trị các hợp đồng, nhưng

		không quá 400 triệu đồng/các hợp đồng của dự án chuyển giao công nghệ đối với các dự án thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư và triển khai trên địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
2	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp có dự án đổi mới công nghệ	Hỗ trợ các dự án đổi mới công nghệ trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao hoặc sản xuất các sản phẩm công nghệ cao theo quy định tại Phụ lục I hoặc Phụ lục II Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển. Mức hỗ trợ là 30% tổng giá trị các hợp đồng nhưng tối đa không quá 800 triệu đồng/các hợp đồng.
		Hỗ trợ dự án đổi mới công nghệ không thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển hoặc không sản xuất các sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển với mức hỗ trợ là 20% tổng giá trị các hợp đồng nhưng không quá 600 triệu đồng/các hợp đồng của dự án có tổng giá trị các hợp đồng trên 1.000 triệu đồng.
		Hỗ trợ dự án đổi mới công nghệ không thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển hoặc không sản xuất các sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển với mức hỗ trợ là 25% tổng giá trị các hợp đồng nhưng không quá 200 triệu đồng/các hợp đồng của dự án có tổng giá trị các hợp đồng từ 500 triệu đồng đến 1.000 triệu đồng.
		Hỗ trợ dự án đổi mới công nghệ không thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển hoặc không sản xuất các sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển với mức hỗ trợ là 30% tổng giá trị các hợp đồng nhưng không quá 125 triệu đồng/các hợp đồng của dự án có tổng giá trị các hợp đồng dưới 500 triệu đồng.
3	Chính sách hỗ trợ	Hỗ trợ cá nhân, doanh nghiệp tham gia trưng bày

trợ doanh nghiệp và cá nhân phát triển thị trường khoa học và công nghệ	sản phẩm tại chợ công nghệ và thiết bị (Techmart), trình diễn kết nối cung cầu công nghệ (Techdemo), triển lãm sáng chế (Invention Exhibition), triển lãm sản phẩm khoa học và công nghệ trong nước với mức hỗ trợ là 20 triệu đồng/lần/đơn vị. Tối đa không quá 02 lần/đơn vị/năm.
	Hỗ trợ cá nhân, doanh nghiệp tham gia trưng bày sản phẩm tại chợ công nghệ và thiết bị (Techmart), trình diễn kết nối cung cầu công nghệ (Techdemo), triển lãm sáng chế (Invention Exhibition), triển lãm sản phẩm khoa học và công nghệ ở nước ngoài với mức hỗ trợ là 50 triệu đồng/lần/đơn vị. Tối đa không quá 02 lần/đơn vị/năm.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2021/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2021

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ,  
phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI  
KHÓA ..... KỲ HỌP THỨ.....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính  
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và  
Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính  
phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công  
nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính  
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao  
công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 ngày 05 tháng 2018 của  
Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc  
triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính  
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ  
tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát  
triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Báo cáo thẩm tra số...../BC-HĐND ngày..... của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các tổ chức, doanh nghiệp (vừa và nhỏ), hợp tác xã có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) có tiếp nhận chuyển giao, đổi mới công nghệ và phát triển thị trường khoa học và công nghệ và các cá nhân trên địa bàn tỉnh tham gia vào hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

2. Các cơ quan, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Nghị quyết này.

3. Doanh nghiệp có các dự án đang được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị quyết này.

### **Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Bảo đảm công khai, minh bạch về nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục, nguồn lực, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện.

2. Các nội dung đề nghị hỗ trợ đã được hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thì không được xem xét hỗ trợ theo Nghị quyết này.

3. Căn cứ nguồn lực hỗ trợ, cơ quan thực hiện hỗ trợ quyết định số lượng doanh nghiệp được nhận hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc: Doanh nghiệp nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện hỗ trợ trước được nhận hỗ trợ trước.

**Điều 4. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ (viết tắt là dự án đầu tư)**

#### **1. Điều kiện hỗ trợ:**

Doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết này đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

a) Dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư và thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư theo quy định tại Phụ lục II, Nghị định số

31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

b) Công nghệ lựa chọn để chuyển giao phải thuộc dự án quy định tại điểm a khoản này và thuộc Danh mục khuyến khích chuyển giao theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

c) Dự án đầu tư phải có hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ) và được cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ xét duyệt cho triển khai và nghiệm thu theo quy định.

d) Mỗi doanh nghiệp chỉ được hỗ trợ 01 dự án chuyển giao công nghệ theo Nghị quyết này.

## 2. Hình thức hỗ trợ:

Hỗ trợ kinh phí thông qua thực hiện dự án ứng dụng khoa học và công nghệ (nhiệm vụ khoa học và công nghệ).

## 3. Nội dung hỗ trợ:

Hỗ trợ kinh phí hợp đồng chuyển giao công nghệ gồm một hoặc các nội dung sau: Giải pháp kỹ thuật, quy trình công nghệ, bí quyết công nghệ, phương án công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu; mua máy móc, thiết bị; thuê chuyên gia đào tạo, hướng dẫn quy trình kỹ thuật, vận hành thiết bị máy móc.

## 4. Mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 30% tổng giá trị các hợp đồng, nhưng không quá 1.000 triệu đồng/các hợp đồng của dự án chuyển giao công nghệ đối với các dự án thuộc danh mục ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư và triển khai trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

b) Hỗ trợ 30% tổng giá trị các hợp đồng, nhưng không quá 900 triệu đồng/các hợp đồng của dự án chuyển giao công nghệ đối với các dự án thuộc danh mục ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư và triển khai trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

c) Hỗ trợ 25% tổng giá trị các hợp đồng, nhưng không quá 800 triệu đồng/các hợp đồng của dự án chuyển giao công nghệ đối với các dự án thuộc danh mục ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư và triển khai trên địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

d) Hỗ trợ 20% tổng giá trị các hợp đồng, nhưng không quá 700 triệu đồng/các hợp đồng của dự án chuyển giao công nghệ đối với các dự án thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư và triển khai trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

đ) Hỗ trợ 20% tổng giá trị các hợp đồng, nhưng không quá 600 triệu đồng/các hợp đồng của dự án chuyển giao công nghệ đối với các dự án thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư và triển khai trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

e) Hỗ trợ 20% tổng giá trị các hợp đồng, nhưng không quá 400 triệu đồng/các hợp đồng của dự án chuyển giao công nghệ đối với các dự án thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư và triển khai trên địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

## **Điều 5. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp có dự án đổi mới công nghệ**

### **1. Điều kiện hỗ trợ:**

Doanh nghiệp quy định khoản 1 tại Điều 2 của Nghị quyết này đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

a) Đang sản xuất, kinh doanh thuộc một trong các lĩnh vực sau: Công nghiệp năng lượng, lọc hóa dầu, hóa chất, cơ khí chế tạo, luyện kim, vật liệu; công nghệ thông tin - viễn thông; công nghiệp điện tử; công nghiệp hóa dược, sản xuất chế phẩm sinh học; công nghiệp môi trường, công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng thông minh; công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ nông nghiệp; sản xuất vật liệu mới; công nghiệp hỗ trợ liên quan đến hóa dầu, luyện kim, cơ khí, điện - điện tử; chế biến nông, lâm, thủy sản; công nghệ dệt may - da giày và công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may - da giày.

b) Có dự án đổi mới công nghệ được Sở Khoa học và Công nghệ xét duyệt và nghiệm thu theo quy định.

c) Công nghệ, thiết bị hỗ trợ có tính mới và tiên tiến hơn hoặc bằng công nghệ cùng loại hiện có tại Việt Nam, đã ứng dụng trong thực tiễn và đạt một hoặc nhiều tiêu chí gồm: Nâng cao năng suất sản phẩm, nâng cao năng suất lao động ít nhất 1,2 lần, nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nguyên vật liệu hoặc thân thiện với môi trường hơn so với công nghệ, thiết bị đã áp dụng tại doanh nghiệp.

d) Thiết bị đầu tư phải mới 100% và được sản xuất không quá 5 năm kể từ ngày mua thiết bị.

đ) Doanh nghiệp được hỗ trợ phải đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định hiện hành của Nhà nước (thuế, chính sách đối với người lao động, bảo vệ môi trường) tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ, không vi phạm pháp luật và đang hoạt động đúng ngành nghề đã đăng ký sản xuất, kinh doanh, (theo cam kết của doanh nghiệp); chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực đối với các tài liệu liên quan cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước, cũng như các nội dung đã cam kết bằng văn bản trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

e) Mỗi doanh nghiệp chỉ được hỗ trợ 01 dự án đổi mới công nghệ theo Nghị quyết này.

## 2. Hình thức hỗ trợ:

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này.

## 3. Nội dung hỗ trợ:

Hỗ trợ kinh phí hợp đồng đổi mới công nghệ gồm một hoặc các nội dung được nêu tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết này.

## 4. Mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ các dự án đổi mới công nghệ trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao hoặc sản xuất các sản phẩm công nghệ cao theo quy định tại Phụ lục I hoặc Phụ lục II Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển. Mức hỗ trợ là 30% tổng giá trị các hợp đồng, nhưng không quá 800 triệu đồng/các hợp đồng.

b) Đối với các dự án đổi mới công nghệ không thuộc điểm a khoản này, mức hỗ trợ như sau:

Hỗ trợ 20% tổng giá trị các hợp đồng, nhưng không quá 600 triệu đồng/các hợp đồng của dự án có tổng giá trị các hợp đồng trên 1.000 triệu đồng; Hỗ trợ 25% tổng giá trị các hợp đồng, nhưng không quá 200 triệu đồng/các hợp đồng của dự án có tổng giá trị các hợp đồng từ 500 triệu đồng đến 1.000 triệu đồng; Hỗ trợ 30% tổng giá trị các hợp đồng, nhưng không quá 125 triệu đồng/các hợp đồng của dự án có tổng giá trị các hợp đồng dưới 500 triệu đồng.

## **Điều 6. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và cá nhân phát triển thị trường khoa học và công nghệ**

### 1. Điều kiện hỗ trợ:

a) Doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết này đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

Có văn bản xác nhận tham gia hội chợ, triển lãm của đơn vị tổ chức hội chợ, triển lãm được cấp có thẩm quyền cấp phép. Doanh nghiệp được hỗ trợ phải đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định hiện hành của Nhà nước (thuế, chính sách đối với người lao động, bảo vệ môi trường) tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ, không vi phạm pháp luật và đang hoạt động đúng ngành nghề đã đăng ký sản xuất, kinh doanh, (theo cam kết của doanh nghiệp); chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực đối với các tài liệu liên quan cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước, cũng như các nội dung đã cam kết bằng văn bản trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

b) Cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết này có văn bản xác nhận tham gia hội chợ, triển lãm của đơn vị tổ chức hội chợ, triển lãm được cấp có thẩm quyền cấp phép và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực đối với các tài liệu liên quan cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước, cũng như các nội dung đã cam kết bằng văn bản trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

### 2. Nội dung và mức hỗ trợ:



a) Hỗ trợ cá nhân, doanh nghiệp tham gia trưng bày sản phẩm tại chợ công nghệ và thiết bị (Techmart), trình diễn kết nối cung cầu công nghệ (Techdemo), triển lãm sáng chế (Invention Exhibition), triển lãm sản phẩm khoa học và công nghệ trong nước.

Mức hỗ trợ là 20 triệu đồng/lần/đơn vị. Tối đa không quá 02 lần/đơn vị/năm.

b) Hỗ trợ cá nhân, doanh nghiệp tham gia trưng bày sản phẩm tại chợ công nghệ và thiết bị (Techmart), trình diễn kết nối cung cầu công nghệ (Techdemo), triển lãm sáng chế (Invention Exhibition), triển lãm sản phẩm khoa học và công nghệ ở nước ngoài.

Mức hỗ trợ là 50 triệu đồng/lần/đơn vị. Tối đa không quá 02 lần/đơn vị/năm.

### **Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện được cân đối, bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh.

### **Điều 8. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Khi văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Tùy theo tình hình thực tiễn, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết cho phù hợp.

### **Điều 9. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa... Kỳ họp thứ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 và có hiệu lực từ ngày... tháng... năm 2021./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Vụ Pháp chế của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBNDTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở ban ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, KTNS

**CHỦ TỊCH**

**Bùi Thị Quỳnh Vân**